

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 109/2021/HS-ST

Ngày 19/10/2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Minh Khôi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Hiến và ông Trần Đình Khương.

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị; Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 82/2021/TLST-HS ngày 29 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2021/QĐXXST-HS ngày 10/9/2021, đối với các bị cáo:

1. Lê Văn T (Tên gọi khác: C), sinh năm 1989 tại Quảng Trị; nơi cư trú: Thôn G, xã P, huyện G1, tỉnh Quảng Trị; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao Động tự do; con ông Lê Văn H, sinh năm 1965 và bà Trần Thị T1, sinh năm 1970; gia đình có 03 anh em, bị cáo là con đầu; vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/02/2021 cho đến nay - Có mặt.

2. Lê Nhật T2, sinh năm 1993 tại Quảng Trị; nơi cư trú: Thôn V, xã S, huyện G1, tỉnh Quảng Trị; trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Cán bộ thuộc phòng Kế hoạch trung tâm Môi trường và Đô thị huyện G1, tỉnh Quảng Trị; con ông Lê Văn V1, sinh năm 1962 và bà Lý Thị N, sinh năm 1968; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con đầu; vợ: Hoàng Thị Mai L, bị cáo; bị cáo có 01 người con sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/02/2021 cho đến nay - Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Trần Thị T3, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn G, xã P, huyện G1, tỉnh Quảng Trị - Có mặt.

+ Ông Lê Văn V1, sinh năm 1962; Địa chỉ: Thôn V, xã S, huyện G1, tỉnh Quảng Trị - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn T và Lê Nhật T2 có quan hệ quen biết và thường sử dụng ma túy cùng nhau. Khoảng 07 giờ ngày 01/02/2021, T gọi điện thoại rủ T2 góp tiền để mua ma túy cùng sử dụng, cả hai thỏa thuận mỗi người góp 200.000 đồng, lúc này T góp luôn 400.000 đồng rồi trừ vào số tiền 200.000 đồng mà T2 đã cho T mượn trước đó. Sau khi thống nhất xong, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu đỏ, biển số 74B1- 02034 (thuộc sở hữu của bà Trần Thị T3 là mẹ T) đi đến quán Internet số: 185 đường Tôn Thất Thuyết (thuộc khu phố B, phường N, thành phố Đ) gặp 01 nam thanh niên (không rõ tên, địa chỉ) mua được 04 viên ma túy được đựng trong 01 đoạn ống nhựa màu trắng có kẻ sọc màu vàng với giá 400.000 đồng. Sau khi có ma túy, T đến thuê phòng số: 102 Nhà nghỉ Hoàng Anh (thuộc khu phố M, phường G, thành phố Đ) rồi làm dụng cụ sử dụng ma túy và đợi T2 đến. Khoảng 08 giờ 15 phút cùng ngày, T2 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu đỏ, biển số 74F2- 7396 (thuộc sở hữu ông Lê Văn V1) đến phòng số: 102 Nhà nghỉ Hoàng Anh. Tại đây, T lấy ma túy ra nói cho T2 biết đã mua được 04 viên ma túy để cả hai cùng sử dụng. T và T2 vừa sử dụng hết 01 viên, còn lại 03 viên chưa kịp sử dụng thì bị Công an thành phố Đông Hà phát hiện và bắt quả tang, thu giữ gồm: 03 viên nén hình tròn, màu hồng, trên bề mặt mỗi viên đều có chữ WY và được niêm phong trong phong bì ký hiệu M.

Tại Bản kết luận giám định số: 202/KLGD-KTHS ngày 03/02/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Trị kết luận: 03 viên nén màu hồng thu giữ của Lê Văn T, Lê Nhật T2 được niêm phong trong phong bì ký hiệu M có khối lượng 0,2886 gam, là ma túy loại Methamphetamine.

Cáo trạng số: 87/CT-VKS-ĐH ngày 28/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị truy tố các bị cáo Lê Văn T, Lê Nhật T2 về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 14 đến 15 tháng tù; bị cáo Lê Nhật T2 từ 12 đến 13 tháng tù.

- Về vật chứng:

- + Tịch thu, tiêu hủy số ma túy và bao gói hoàn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì ký hiệu PS3A-077808 và 01 vỏ chai nước lọc, trên thân chai có đục 01 lỗ nhỏ.

- + Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 tờ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam mệnh giá 1.000 đồng.

- + Trả lại cho bị cáo Lê Văn T 01 điện thoại di động hiệu Samsung G5, màu hồng và trả lại cho bị cáo Lê Nhật T2 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đỏ.

+ Trả lại cho ông Lê Văn V1 01 xe mô tô hiệu Honda Wave Alpha, màu đỏ, biển số 74F2- 7396; trả lại cho bà Trần Thị T3 01 xe mô tô hiệu Honda Airblade, màu đỏ, biển số 74B1- 02034.

Bị cáo Lê Văn T trình bày lời nói sau cùng: Bị cáo biết hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

Bị cáo Lê Nhật T2 trình bày lời nói sau cùng: Trong thời gian bị cáo bị tạm giam, bị cáo rất ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo để bị cáo sớm được về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố thấy rằng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đông Hà, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên tòa các bị cáo T và T2 đã khai nhận về hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ cũng như các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 07 giờ ngày 01/02/2021, sau khi góp tiền mua được 04 viên ma túy hồng phiến của nam thanh niên (không rõ tên, lai lịch, địa chỉ) thì bị cáo T đưa ma túy đến phòng số 102 Nhà nghỉ Hoàng Anh thuộc khu phố M, phường G, thành phố Đ để cùng với T2 sử dụng ma túy. Sau khi T và T2 sử dụng hết 01 viên, 03 viên ma túy còn lại chưa kịp sử dụng thì bị Công an thành phố Đông Hà phát hiện bắt quả tang, thu giữ 03 viên nén hình tròn, màu hồng trên bề mặt mỗi viên đều có chữ WY có tổng khối lượng là 0,2886 gam là ma túy loại Methamphetamine.

Theo khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự quy định: Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 01 năm đến 05 năm “...c) *Methamphetamine... có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;*”. Do đó, hành vi trên của các bị cáo T và T2 đủ yếu tố cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự như nội dung bản cáo trạng đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét vị trí, vai trò của các bị cáo cho thấy: Bị cáo Lê Văn T là người khởi xướng, rủ rê bị cáo Lê Nhật T2 cùng thực hiện hành vi phạm tội, vừa là người trực tiếp mua ma túy, thuê nhà nghỉ, chuẩn bị dụng cụ để sử dụng ma túy nên bị cáo T là người phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án. Còn bị cáo T2 chỉ tham gia với

vai trò đồng phạm. Do đó, cần xử phạt bị cáo T với mức án cao hơn bị cáo T2 là thỏa đáng.

Hành vi phạm tội nêu trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến chính sách quản lý của Nhà nước về các chất ma túy. Ma túy hiện đang là một trong những tệ nạn bức xúc trong xã hội, ma túy gây tác hại rất nhiều mặt đến đời sống kinh tế và xã hội, người sử dụng ma túy có thể bị ảo giác, mất khả năng nhận thức về hành vi, gây nên sự bất an trong xã hội, làm mất trật tự trị an, ảnh hưởng xấu đến đời sống của quần chúng nhân dân sống trên địa bàn. Vì vậy, cần xử phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên cần xem xét cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, các bị cáo hiện là người có nhân thân tốt nên cần xem xét để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra Công an thành phố Đông Hà tạm giữ gồm: Số ma túy và bao gói hoàn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì ký hiệu PS3A-077808, bên ngoài có hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Quảng Trị và chữ ký của những người tham gia niêm phong; 01 vỏ chai nước lọc, trên thân chai có đục 01 lỗ nhỏ được gắn 01 tờ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam mệnh giá 1.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung G5, màu hồng, số Imei 1: 355079083847009, Imei 2: 355079083847009, gắn các sim số thuê bao 0866647826 và 0944207123; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đỏ, số Imei 1: 353163114835514, Imei 2: 353163114835513, gắn sim số thuê bao 0969082567; 01 xe mô tô hiệu Honda Airblade, màu đỏ, biển số 74B1- 02034, số máy F27E-0846452, số khung 2073 BY-768547; 01 xe mô tô hiệu Honda Wave Alpha, màu đỏ, biển số 74F2- 7396, số máy CT100E1870764, số khung MPCG 00328010070. Xét thấy:

- Đối với số ma túy và bao gói hoàn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì ký hiệu PS3A-077808 là vật cấm tàng trữ, lưu hành và 01 vỏ chai nước lọc, trên thân chai có đục 01 lỗ nhỏ là vật dụng do các bị cáo dùng để sử dụng ma túy hiện không có giá trị nên tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 01 tờ tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam có mệnh giá 1.000 đồng, là tiền đang lưu hành nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 xe mô tô hiệu Honda Airblade, màu đỏ, biển số 74B1- 02034; thuộc quyền sở hữu của bà Trần Thị T3 và 01 xe mô tô hiệu Honda Wave Alpha, màu đỏ, biển số 74F2- 7396 thuộc quyền sở hữu của ông Lê Văn V1 không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho các chủ sở hữu.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung G5, màu hồng của bị cáo Lê Văn T và 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đỏ của bị cáo Lê Nhật T2. 02 chiếc điện thoại này là tài sản của các bị cáo nên cần trả lại cho các bị cáo.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tiếp tục ban hành Quyết định tạm giam đối với các bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Tuyên bố các bị cáo **Lê Văn T** (Tên gọi khác: C) và **Lê Nhật T2** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.*

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt:

- Bị cáo Lê Văn T 14 (Mười bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ 01/02/2021.

- Bị cáo Lê Nhật T2 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ 01/02/2021.

2. *Về xử lý vật chứng:* Căn cứ khoản 1; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy số ma túy và bao gói hoàn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì ký hiệu PS3A-077808, bên ngoài có hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Trị và chữ ký của những người tham gia niêm phong và 01 vỏ chai nước lọc, trên thân chai có đục 01 lỗ nhỏ.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 tờ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có mệnh giá 1.000 đồng.

- Trả lại cho bà Trần Thị T3 01 xe mô tô hiệu Honda Airblade, màu đỏ, biển số 74B1- 02034, số máy F27E-0846452, số khung 2073BY-768547; trả lại cho ông Lê Văn V1 01 xe mô tô hiệu Honda Wave Alpha, màu đỏ, biển số 74F2- 7396, số máy CT100E 1870764, số khung MPCG 00328010070, xe đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong.

- Trả lại cho bị cáo Lê Văn T 01 điện thoại di động hiệu Samsung G5, màu hồng, số Imei 1: 355079083847009, Imei 2: 355079083847009, gắn các sim số thuê bao 0866647826 và 0944207123; trả lại cho bị cáo Lê Nhật T2 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đỏ, số Imei 1: 353163114835514, Imei 2: 353163114835513, gắn sim số thuê bao 0969082567, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong và tình trạng hoạt động của số thuê bao.

Các vật chứng trên hiện có tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 14/9/2021 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đông Hà và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

3. *Về án phí:* Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần liên quan của bản án, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Q.Trị;
- VKSND TP Đông Hà;
- Công an TP Đông Hà;
- Thi hành án Hình sự;
- Sở tư pháp;
- Chi cục THADS TP Đông Hà;
- Bị cáo;
- Người có QL,NV liên quan;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Minh Khôi